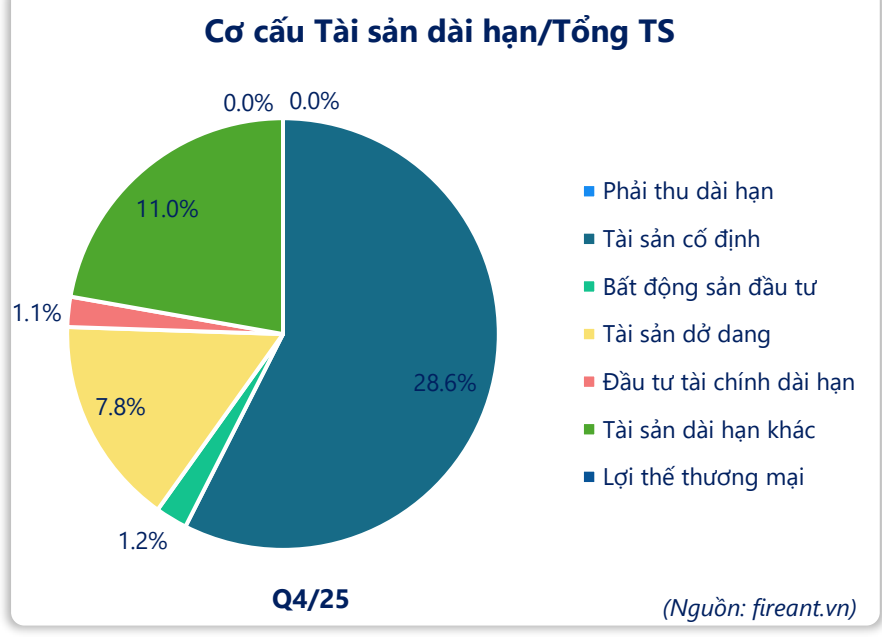
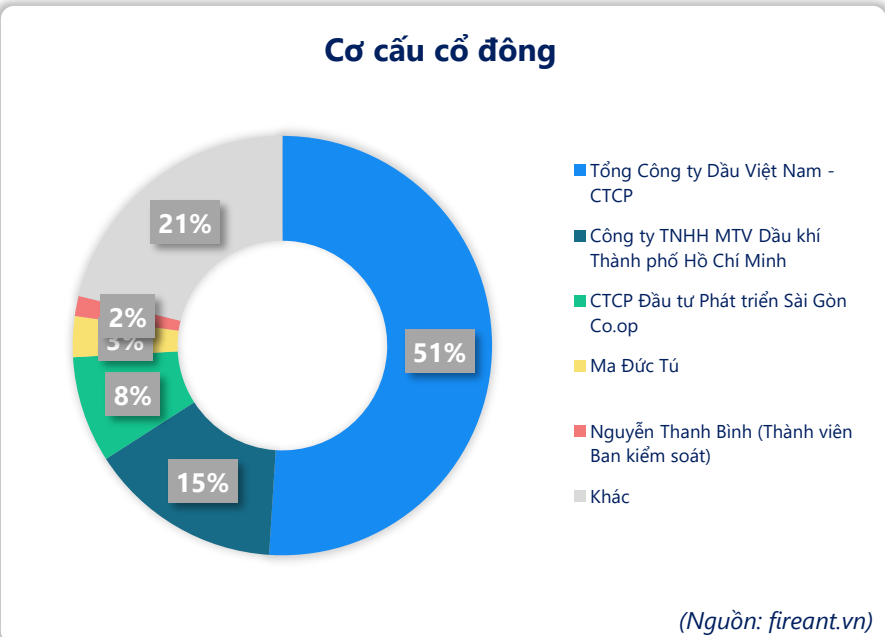
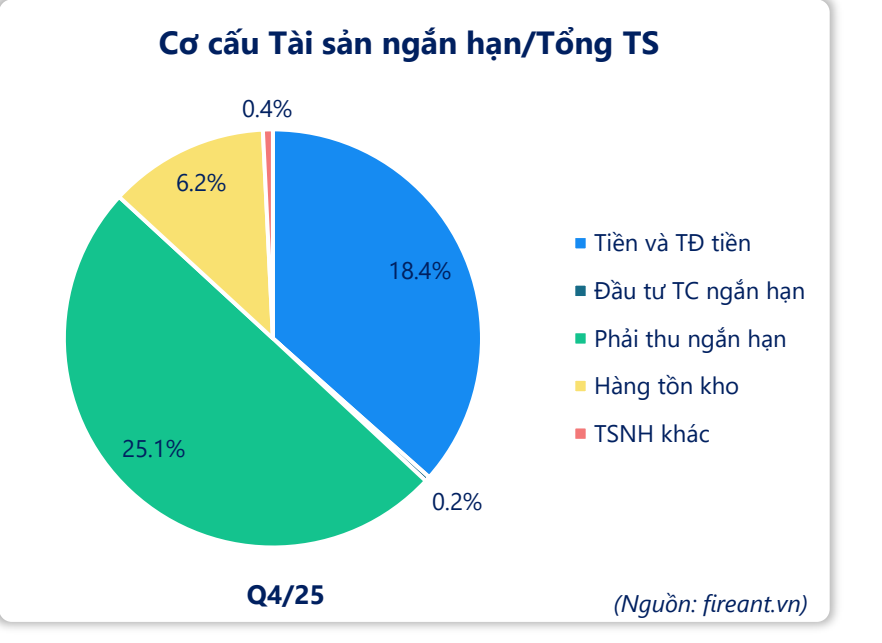
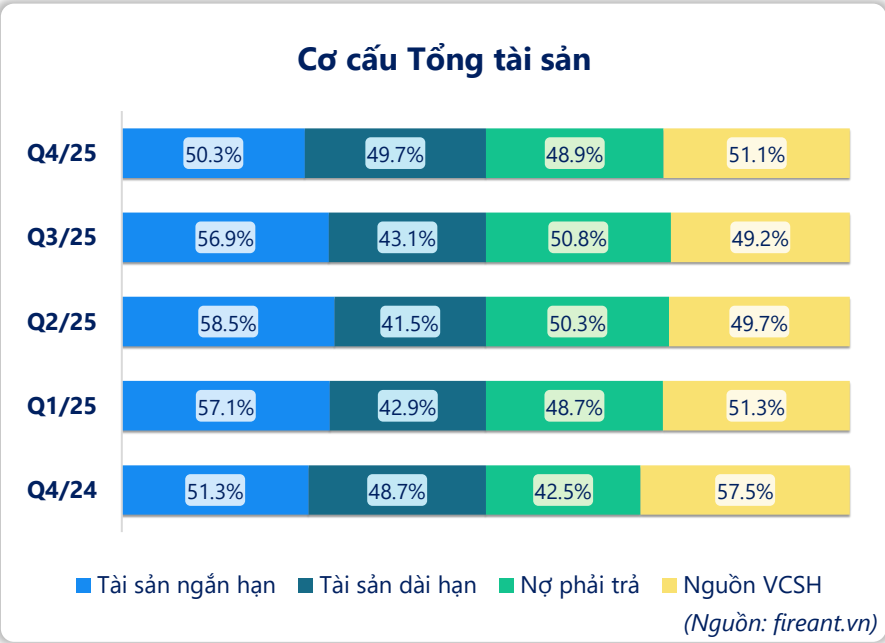
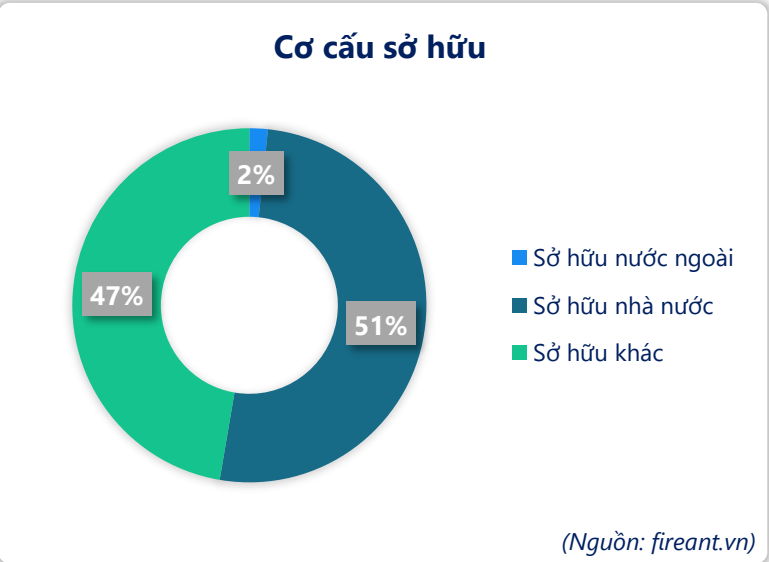
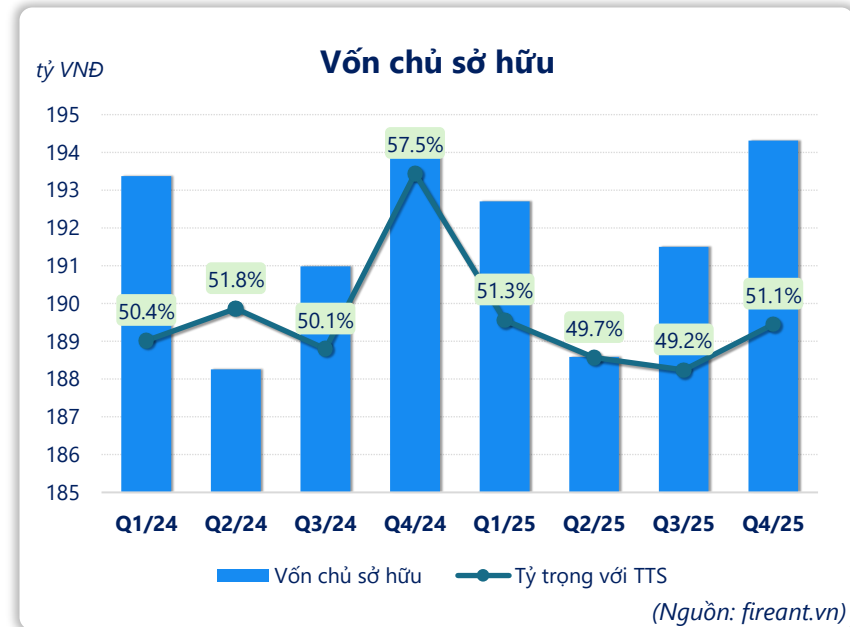
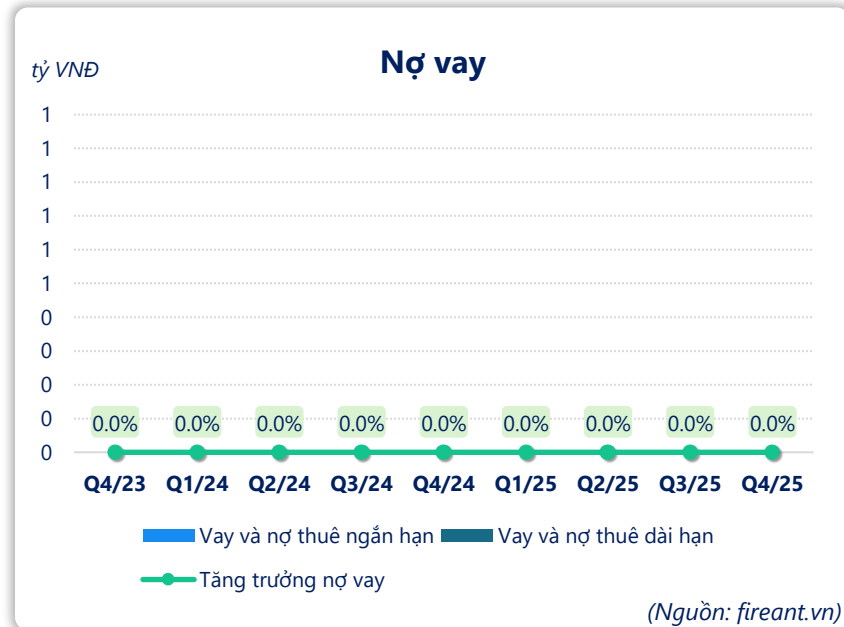
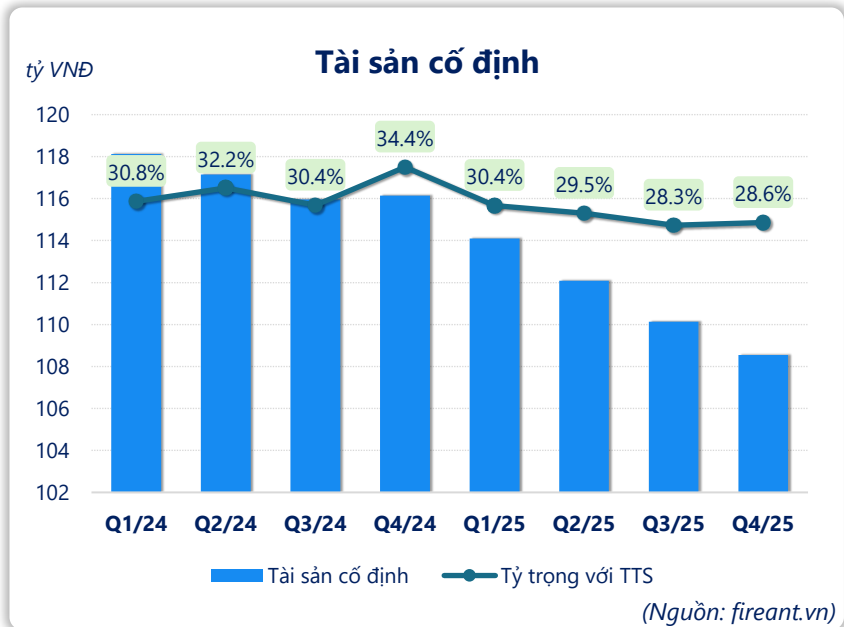
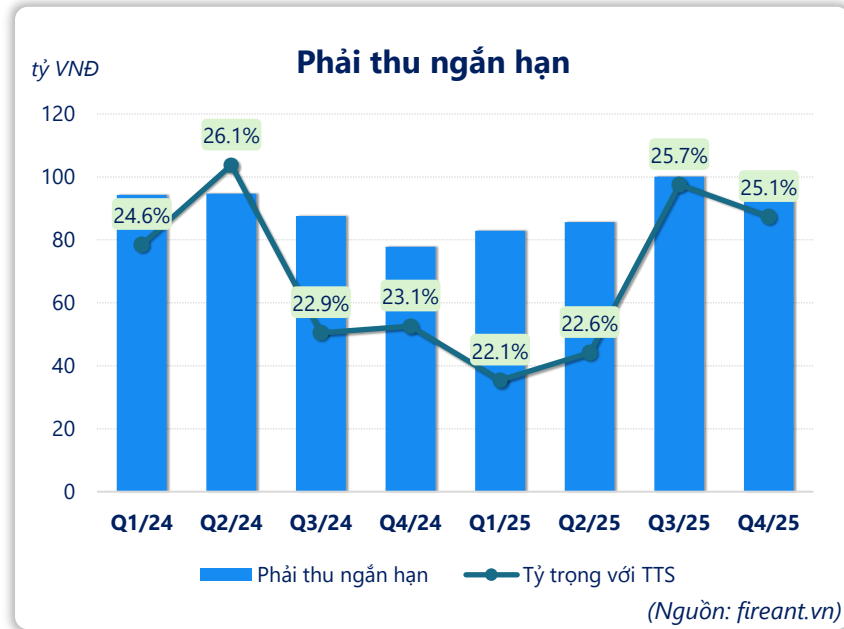
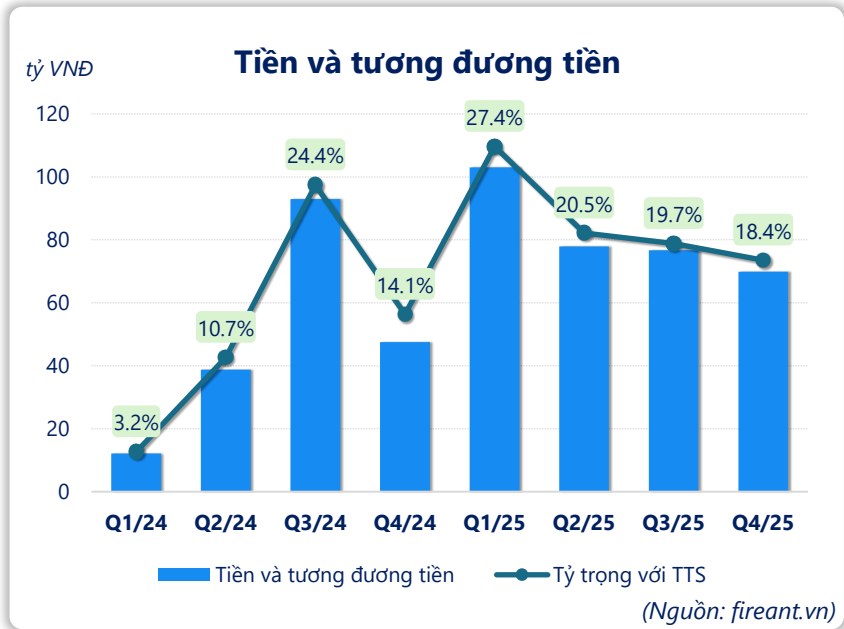
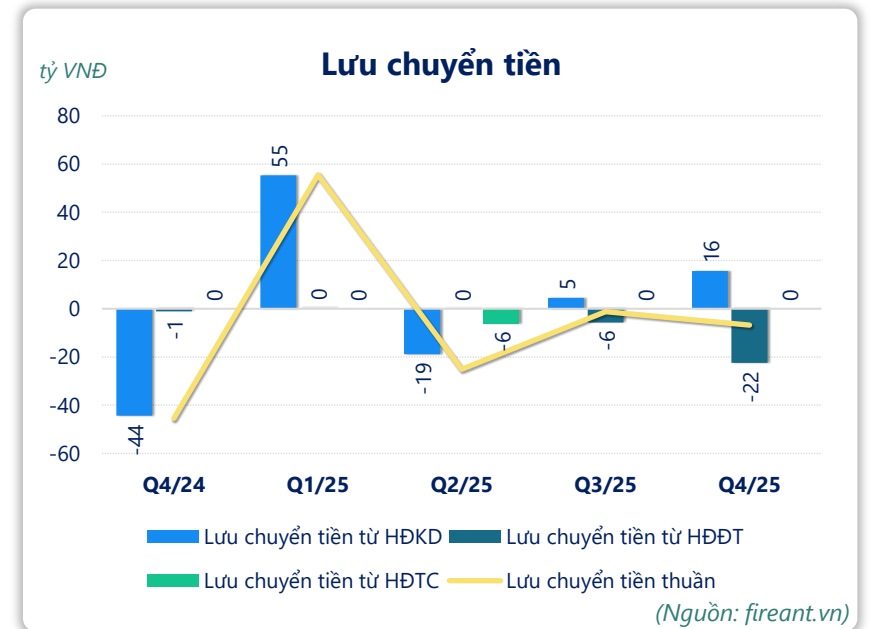
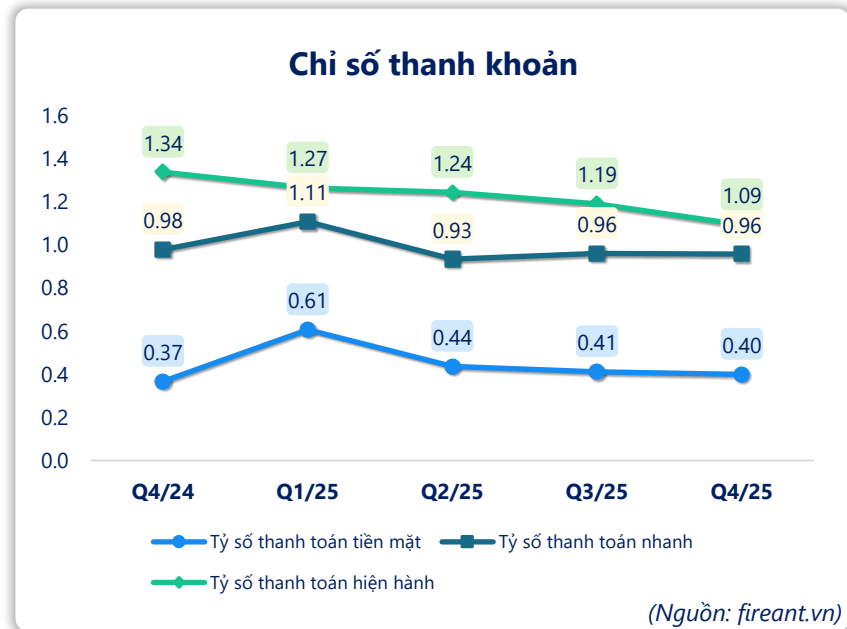
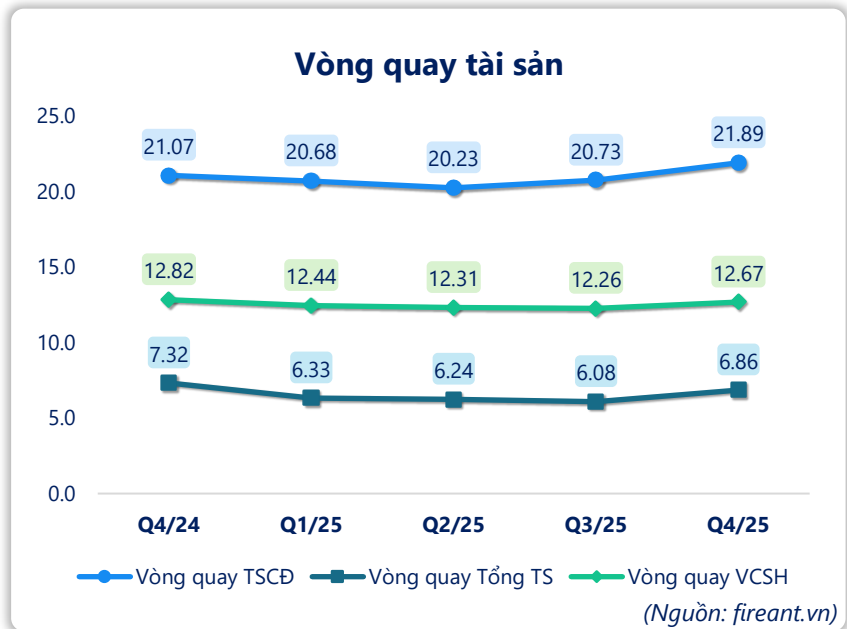
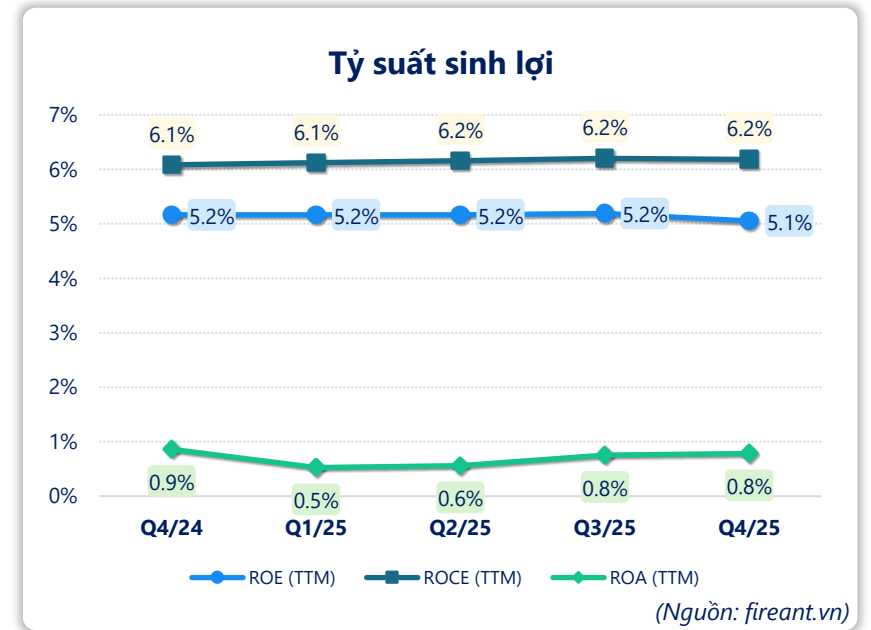
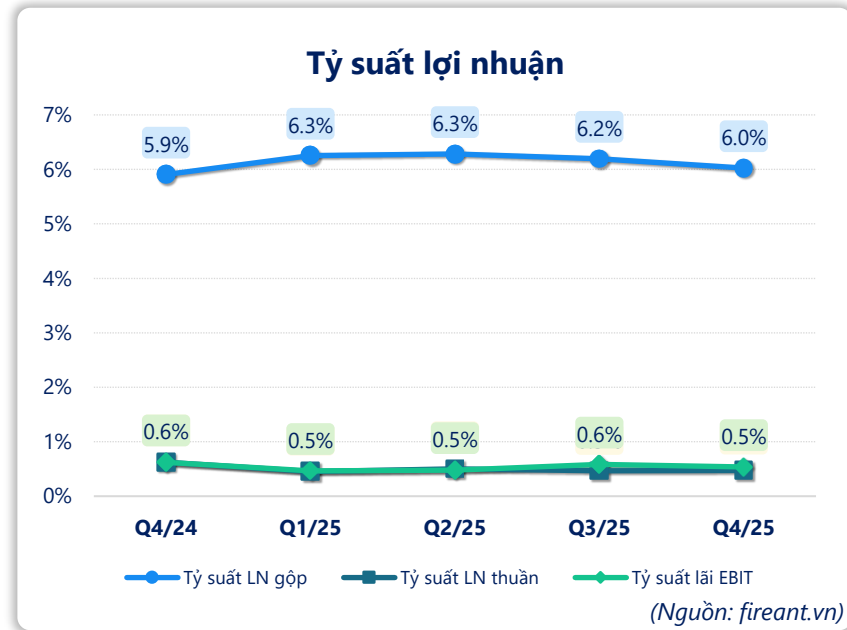
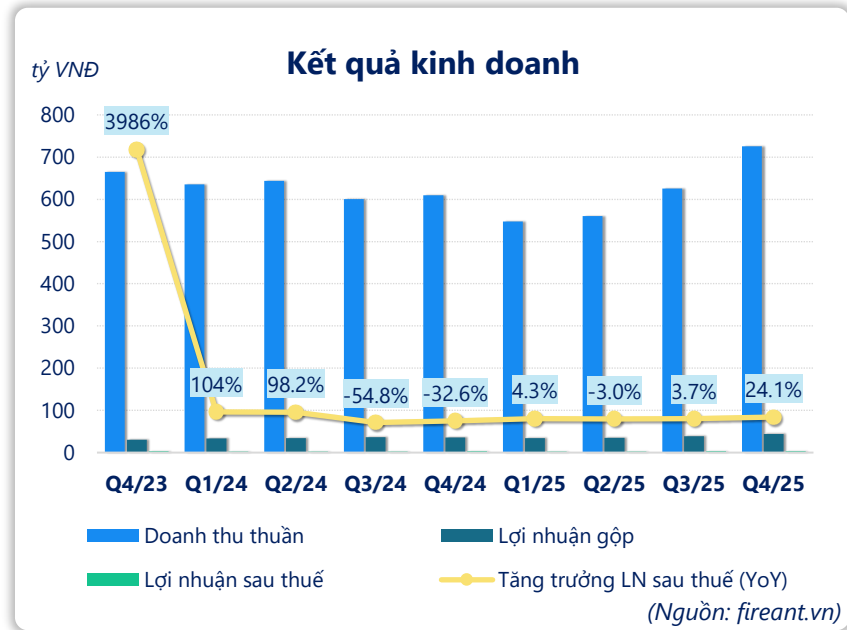


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		7,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,270
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,766
SL cổ phiếu LH		12,400,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		415
% sở hữu nước ngoài		1.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		92
P/E		9.4
EPS		791

	YTD	1T	3T	6T
TMC	-9.5%	-7.5%	-3.9%	-7.5%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	380	337	12.7%
Tài sản ngắn hạn	191	173	10.5%
Tiền và tương đương tiền	69.9	47.5	47.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.74	0.75	-0.3%
Phải thu ngắn hạn	95.4	77.8	22.6%
Hàng tồn kho	23.7	46.5	-49.0%
Tài sản ngắn hạn khác	1.47	0.52	183%
Tài sản dài hạn	189	164	15.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	109	116	-6.5%
Bất động sản đầu tư	4.54	5.02	-9.7%
Tài sản dở dang	29.6	0.02	159620%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.26	4.78	-10.9%
Tài sản dài hạn khác	42.0	38.2	9.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	186	143	29.6%
Nợ ngắn hạn	175	129	35.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	115	84.3	36.6%
Nợ dài hạn	11.0	14.0	-21.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	194	194	0.2%
Vốn chủ sở hữu	194	194	0.2%
Vốn điều lệ	124	124	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	610	548	561	626	725
Giá vốn hàng bán	574	514	525	587	682
Lợi nhuận gộp	36.0	34.2	35.2	38.8	43.7
Doanh thu HĐTC	1.40	1.05	1.26	1.57	1.34
Chi phí TC	0.25	0.01	0.51	0.03	0.01
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	24.5	20.6	20.0	25.3	28.0
Chi phí QLDN	8.84	12.2	13.2	12.1	13.6
LN thuần từ HĐKD	3.80	2.48	2.80	2.92	3.43
Lợi nhuận khác	-0.01	0.07	-0.10	0.73	0.46
LN trước thuế	3.79	2.55	2.70	3.65	3.89
Lợi nhuận sau thuế	2.93	2.00	2.09	2.91	2.81
LNST của CĐ cty mẹ	2.93	2.00	2.09	2.91	2.81

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-44.3	55.3	-18.9	4.51	15.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.12	0.22	0.07	-5.74	-22.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-6.20	0	0
Tiền đầu kỳ	92.9	47.5	103	77.9	76.7
Lưu chuyển tiền thuần	-45.4	55.5	-25.1	-1.22	-6.80
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	47.5	103	77.9	76.7	69.9

(Nguồn: fireant.vn)